



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



Số: 0049.NT.1(4)-2026/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH KHÍ TÂY NAM BỘ - TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ : Ấp 6, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Địa chỉ lấy mẫu : TÒA NHÀ VP ĐIỀU HÀNH
Ấp 6, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau

Loại mẫu : Nước thải

Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh

Ngày lấy mẫu : 31/03/2026

Mã số mẫu : 26.0049.NT5

Thông tin lấy mẫu : Nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt (Tọa độ: 561059 – 1021550)

Ngày phân tích mẫu : 01/04/2026

Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP LẤY MẪU

STT	Loại mẫu	Phương pháp lấy mẫu
1	Mẫu nước thải	TCVN 6663-3:2016; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-14:2018
2	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp thực hiện
1.	pH ^(a) (30,6°C)	-	7,25	5 ÷ 9	SMEWW 4500-H ⁺ .B:2023 ^(*)
2.	TSS ^{(a)(b)}	mg/L	9,31	120	TCVN 6625:2000
3.	BOD ₅ ^{(a)(b)}	mg/L	4,81	60	TCVN 6001-1:2021

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017

BM 21.01

Lần ban hành: 2

Ngày ban hành: 02/05/2025

Trang 1/2



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



Số: 0049.NT.1(4)-2026/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2026

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp thực hiện
4.	TDS ^(a)	mg/L	203	1.200	HD-ĐN-N03 ^(*)
5.	Sulfua ^{(a)(b)}	mg/L	KPH (LOD=0,04)	4,8	SMEWW 4500-S ² .B&D:2023
6.	Nitrat (tính theo N) ^{(a)(b)}	mg/L	24,1	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E: 2023
7.	Amoni (tính theo N) ^{(a)(b)}	mg/L	0,115	12	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023
8.	Dầu mỡ động thực vật ^{(a)(b)}	mg/L	KPH (LOD=1,44)	24	SMEWW 5520B&F:2023
9.	CHĐBM anion ^{(a)(b)}	mg/L	0,080	12	SMEWW 5540B&C:2023
10.	Phosphat (tính theo P) ^{(a)(b)}	mg/L	1,62	12	SMEWW 4500-P.E:2023
11.	Coliform ^{(a)(b)}	MPN/ 100mL	490	5.000	SMEWW 9221B:2023

Ghi chú:

Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Nông Nghiệp và Môi Trường chứng nhận (VIMCERTS 314)

^(b): Các chỉ tiêu đạt công nhận ISO/IEC 17025:2017 (VALAS 113)

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

KPH: Không phát hiện

 **PHỤ TRÁCH**
PHÒNG THỬ NGHIỆM


Nguyễn Trần Minh Toàn



 **GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017